

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ CHÂU THÀNH

HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH ĐẾN NĂM 2040

(Được ban hành kèm theo Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Trà Vinh)

-NĂM 2022-

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ
THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHUNG ĐÔ THỊ CHÂU THÀNH
HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH ĐẾN NĂM 2040
(Được ban hành kèm theo Quyết định số Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày
30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Trà Vinh)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Kèm theo quyết định số:..... ngày tháng năm 2022

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: SỞ XÂY DỰNG TỈNH TRÀ VINH

Kèm theo báo cáo thẩm định số:.....ngày tháng năm 2022

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP:ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

Kèm theo tờ trình số:..... ngày tháng năm 2022

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ

Theo đồ án quy hoạch chung đô thị Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040

(kèm theo Quyết định số Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Trà Vinh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1- Phạm vi và đối tượng áp dụng:

1. Quy định này quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung đô thị Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vào hoạt động quản lý, đầu tư xây dựng trong ranh giới đồ án quy hoạch chung đô thị Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040.

Điều 2. Quy định về Chỉ tiêu về diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất và chiều cao tối đa, tối thiểu của công trình trong từng khu chức năng đô thị:

1. Về quy mô phạm vi và ranh giới lập quy hoạch:

- Quy hoạch chung đô thị Châu Thành được lập trên toàn bộ diện tích tự nhiên của thị trấn Châu Thành là 343,78 ha.

- Ranh giới lập quy hoạch với tứ cận như sau:

- + Phía Bắc: giáp kênh Tâm Phương (giáp phường 9, Tp.Trà Vinh).
- + Phía Nam: giáp xã Mỹ Chánh và xã Đa Lộc.
- + Phía Đông: giáp sông Đa Lộc và xã Đa Lộc.
- + Phía Tây: giáp xã Đa Lộc.

2. Về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đối với từng khu chức năng:

2.1. Các chỉ tiêu chung cho toàn đô thị

a. Các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc:

Đất dân dụng : 70 - 100 m²/người

Mật độ dân số : 145 -100 người/ha

Hệ số sử dụng đất : 1,0 -2,0

Tầng cao tối đa : 15 tầng

Đất cây xanh đô thị : 4 - 12 m²/người

Đất đơn vị ở : 45 - 55 m²/người

b. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt đô thị: 100 - 120 lít/người/ngày đêm. (Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD nêu Chỉ tiêu cấp nước sạch dùng cho sinh hoạt của khu vực nội thị đô thị phụ thuộc vào loại đô thị nhưng tối thiểu là 80 lít/người/ngày đêm; TCXDVN 33:2006 nêu Đô thị loại IV, đô thị loại V; Khu dân cư đô thị, tiêu chuẩn cấp nước đến năm 2020 là 100 lít/người/ngày đêm, tiêu chuẩn quy hoạch đến năm 2040 chọn 100-120 lít/người/ngày đêm là phù hợp)

Chỉ tiêu cấp nước Công nghiệp: 25 - 45 m³/ha.ngđ (Quy chuẩn QCVN 01:2021/BXD nêu nước cho các khu công nghiệp tập trung: xác định theo loại hình công nghiệp, đảm bảo tối thiểu bằng 20m³/ha/ngày đêm; TCXDVN 33:2006 nêu Đối với công nghiệp sản xuất rượu, bia, sữa, đồ hộp, chế biến thực phẩm, giấy dệt TCCN là 45 m³/ha.ngđ; Đối với các ngành công nghiệp khác: 22 m³/ha.ngđ, tiêu chuẩn quy hoạch đến năm 22 - 45 m³/ha.ngđ là phù hợp)

Nước thất thoát: 15% tổng lượng nước cấp của đô thị.

Nước cho yêu cầu riêng của nhà máy xử lý nước (nếu có 10% tổng lượng nước cấp của đô thị)

Chỉ tiêu thoát nước: 100% cấp nước sinh hoạt đô thị

Rác thải: 0,9 kg/người-ngày.

Chỉ tiêu cấp điện: 700 - 1.500 kWh/người.năm.

Thông tin liên lạc: 70 thuê bao điện thoại/100 dân.

Hệ thống đường giao thông đô thị đảm bảo QCVN 01:2021/BXD; Tỷ lệ đất giao thông đô thị (không bao gồm giao thông tĩnh) trong đất xây dựng đô thị tối thiểu: tính đến đường liên khu vực: 6%; tính đến đường khu vực: 13%; tính đến đường phân khu vực: 18%.

Ngoài ra, các chỉ tiêu hạ tầng khác như: chỉ tiêu về cây xanh, giao thông,... đối với đô thị đảm bảo đúng theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01:2021/BXD; chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật: đảm bảo đúng theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 07:2016/BXD và các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định hiện hành.

3. Các quy định về hạ tầng kỹ thuật trong đô thị

3.1. Tổ chức giao thông:

- Mạng lưới đường giao thông phải được phân cấp rõ ràng, tạo thành mạng lưới hoàn chỉnh, hợp lý, phù hợp với tính chất của đô thị và đảm bảo kết nối tốt với các khu vực lân cận.

- Giao thông liên khu vực: tính kết nối liên vùng, ít giao cắt, chủ yếu bám theo hoặc nối tiếp các trục đường hiện hữu.

- Giao thông đô thị: các trục chính đô thị có tính chất làm điểm nhấn đô thị, liên kết các phân khu chức năng. Việc lựa chọn vị trí xây dựng phải gắn kết với khu vực ưu tiên phát triển hoặc phát triển có tính động lực.

- Các tuyến đường có đường cong nằm được thiết kế với bán kính cong và tầm nhìn thích hợp đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo tiêu chuẩn Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế - TCVN 104:2007/BXD.

❖ Quy hoạch phát triển giao thông đường bộ

- Quốc lộ 54: Đoạn đi qua thị trấn Châu Thành dài 2,8km. Là đường trục chính của thị trấn cũng như của huyện. Tuyến đường kết nối TP.Trà Vinh đi qua huyện Châu Thành tới các huyện phía nam của tỉnh. Đoạn tuyến qua địa bàn thị trấn tiếp tục giữ chuẩn đường cấp III. Đường kết cấu nhựa, có bề rộng 21,0m (giữ nguyên lộ giới hiện hữu), mặt đường 13,0m, vỉa hè 2x4,0m.

- Đường Kiên Thị Nhẫn chạy dọc ranh phía Tây thị trấn Châu Thành được định hướng thành tuyến tránh QL54 qua thị trấn Châu Thành, có quy mô mặt cắt 4,5 – (8-2,5-8) – 4,5m, kết nối với Đường huyện 11 tại ngã ba tuyến số 1. Đoạn tuyến từ đường D3 (giáp ranh phía Đông thị trấn) đến giáp xã Đa Lộc được tổ chức mặt cắt ngang 4,5 – (8-2,5-8) - 4,5m để đồng bộ mặt cắt trên toàn tuyến và đồng bộ khả năng chuyển tiếp nhu cầu giao thông.

- Đường huyện: Thị trấn có 1 tuyến đường huyện đi qua (Hương Lộ 16 – Đường 30/4), chiều dài đoạn qua thị trấn là 2,1km có nhiệm vụ kết nối giữa Quốc lộ 53 (đi cắt ngang quá QL54) và Hương lộ 13. Đường kết cấu nhựa, lộ giới 27,5m, mặt đường 16m, dải phân cách 2,5m, vỉa hè 2x4,5m.

- Trên tuyến Hương lộ 16 có công Đa Lộc. Trong tương lai cần đầu tư nâng cấp công với cấp tải trọng cao hơn, nhằm tăng chiều rộng mặt cầu trên công sao cho đồng bộ với mặt cắt ngang Hương lộ 16.

STT	Tên đường	Bảng thống kê đường giao thông				
		Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Mặt cắt ngang	Loại mặt đường	Giới hạn
I	ĐƯỜNG CHÍNH ĐÔ THỊ					
1	Đường 2/9 (QL54)	2830	21	4,0-13,0-4,0	Nhựa	Đường N1 - ranh thị trấn
2	Đường Kiên Thị Nhẫn	1650	27,5	4,5-8,0-2,5-8,0-4,5	Nhựa	Đoạn giáp ranh phía Tây thị trấn

STT	Tên đường	Bảng thống kê đường giao thông				
		Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Mặt cắt ngang	Loại mặt đường	Giới hạn
3	Đường 30/4 (Hương lộ 16)	2090	27,5	4,5-8,0-2,5-8,0-4,5	Nhựa	Đường Kiên Thị Nhẫn - Ranh thị trấn
4	Đường tránh QL54	743	21	4,0-13,0-4,0	Nhựa	Đường 2/9 - Đường N1
II	ĐƯỜNG KHU VỰC					
5	Đường D1	681	20	3,5-13,0-3,5	Nhựa	Đường 30/4 (HL16) - Đường N17
6	Đường N3	464	16	4,0-8,0-4,0	Nhựa	Đường D12 - QL54, đường tránh QL54 - Đường D4
	Đường N3	247	7,5	7,5	Nhựa	QL54 - Đường tránh QL54
7	Đường N5	684	16	4,0-8,0-4,0	Nhựa	Đường D12 - Đường D4
8	Đường N17	1160	20	3,5-13,0-3,5	Nhựa	Đường D6 - Đường D1
9	Đường tránh cống Đa Lộc	2017	20	3,5-13,0-3,5	Nhựa	Từ đường 30/4 - Đường Kiên Thị Nhẫn
10	Đường D1A	884	16	4,0-8,0-4,0	Nhựa	Đường N17 - Đường N18
11	Đường D2A	918	16	4,0-8,0-4,0	Nhựa	Đường N17 - Đường N18
12	Đường D3	1485	27,5	10,0-5,0-7,5-5,0	Nhựa	Đường D4 - Đường DT 912
13	Đường Mậu Thân	1734	27,5	4,5-8,0-2,5-8,0-4,5	Nhựa	Đường 30/4 (HL16) - Đường tránh QL54
14	Đường Kiên Thị Nhẫn	910	27,5	4,5-8,0-2,5-8,0-4,5	Nhựa	Ranh phía Tây thị trấn - Đường D3
15	Đường D12 + Đường DM	2220	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	Đường N1 - Đường N11
III	ĐƯỜNG PHÂN KHU VỰC					

STT	Tên đường	Bảng thống kê đường giao thông				
		Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Mặt cắt ngang	Loại mặt đường	Giới hạn
16	Đường N1	745	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	Đường D12 - Đường tránh QL54
17	Đường N2	266	7,5	7,5	Nhựa	QL54 - Đường tránh QL54
18	Đường N7	110	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	Đường Mậu Thân - Đường D4
19	Đường Đoàn Công Chánh	546	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	Đường Kiên Thị Nhẫn - QL54
20		228	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	QL54 - Mậu Thân
21	Đường Tô Thị Huỳnh	222	12	3,0-6,0-3,0	Nhựa	Đường 2/9 (QL54) - Đường Mậu Thân
22	Đường 3/2	158	12	3,25-5,5-3,25	Nhựa	Đường 2/9 (QL54) - hẻm 16
23	Đường 3/2	125	9	0,9-6-2,1	Nhựa	Đường 30/4 - hẻm 16
		125	8,5	2,1-5,5-0,9		
24	Đường N11	480	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	Đường Kiên Thị Nhẫn - Đường D10
25	Đường N15	394	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	Đường tránh cống Đa Lộc - Kiên Thị Nhẫn - Đường D10
	Đường N16	328	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	Đường Kiên Thị Nhẫn - Đường 2/9 (QL54)
26	Đường N17A	227	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	Đường D1A - Đường D2
27	Đường N17B	517	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	Đường D2 - Đường D3
28	Đường N17C	551	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	Đường D2 - Đường D3
29	Đường N17D	847	14	3,25-7,5-	Nhựa	Đường D1A - Đường

STT	Tên đường	Bảng thống kê đường giao thông				
		Chiều dài (m)	Lộ giới (m)	Mặt cắt ngang	Loại mặt đường	Giới hạn
				3,25		D3
30	Đường N18	1081	14	3,5-6,0-4,5	Nhựa	Đường D3 - Đường D1
31	Đường N19	308	14	4,0-6,0-4,0	Nhựa	vòng quanh quảng trường
32	Đường D2	595	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	Đường N17D - Đường N17
33	Đường D4	2293	14	3,5-6,0-4,5	Nhựa	Cầu Tâm Phương - Đường Mậu Thân
34	Đường D6	713	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	Đường 30/4 (HL16) - Đường D17
35	Đường D10	660	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	Đường 30/4 (HL16) - Đường Kiên Thị Nhẫn
36	Đường D13	204	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	Đường tránh cống Đa Lộc - Đường N13
37	Đường D13A	159	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	Đường N15 - Đường tránh cống Đa Lộc
38	Đường D14	204	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	Đường N11 - Đường tránh cống Đa Lộc
39	Đường Kiên Thị Nhẫn	425	14	3,25-7,5-3,25	Nhựa	Nhà ông Lục Quốc Thái - Đường N16

❖ Quy hoạch phát triển giao thông đường thủy:

- Tuân thủ theo Quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải tỉnh Trà Vinh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1441/QĐ-UBND ngày 8/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, thị trấn Châu Thành có các tuyến giao thông đường thủy như sau:

- Kênh Đường Trâu chiều dài 1,00km; chiều rộng đáy: 10,00m; chiều sâu lớp nước: 1,30m; cấp kỹ thuật: IV

- Kênh Tâm Phương chiều dài 0,80km; chiều rộng đáy: 10,00m; chiều sâu lớp nước: 1,30m; cấp kỹ thuật: IV
- Sông Đa Lộc chiều dài 2,90km; chiều rộng đáy: 15-25m; chiều sâu lớp nước: 2,30m; cấp kỹ thuật: IV
- Định hướng phát triển giao thông thủy tuân thủ theo các quy hoạch chuyên ngành giao thông thủy có liên quan

3.2. Cao độ nền và thoát nước mặt:

- Cao độ khống chế khu vực Đô thị Châu Thành HXD = 2,40m.
- Khu vực ven sông, rạch và các điểm xả nước mặt được xác định cao độ thiết kế 2,4m, cao dần lên ở phía trong của lưu vực.
- Theo địa hình tự nhiên, khu vực dọc theo trục đường Quốc lộ 54 có cao độ lớn hơn các khu vực xung quanh. Chọn trục Quốc lộ 54 làm trục phân thủy, chia bề mặt thiết kế của khu vực quy hoạch thành 2 mặt phẳng dốc lớn, dốc về phía sông Đa Lộc và phía đường Kiên Thị Nhẫn.
- Để hạn chế khối lượng san lấp, chọn độ dốc thiết kế cho các hướng dốc chính này là 0,1%. Độ dốc chi tiết của từng đoạn đường sẽ được xác định cụ thể trong các giai đoạn quy hoạch sau để đảm bảo yêu cầu thoát nước mặt.
- Sơ bộ, cao độ thiết kế của khu vực quy hoạch nằm trong khoảng 2,40m – 3,40m.
- Hệ thống thoát nước được quy hoạch:
 - + Hướng tới năm 2040 toàn bộ thị trấn hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa.
 - + Thị trấn phát triển theo tiêu chí đô thị loại IV nên tổ chức hệ thống thoát nước riêng
 - + Trước mắt (đến năm 2030) xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng, tiến tới năm 2040 hoàn thiện hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.
 - + Mạng lưới thoát nước mưa tổ chức dọc theo mạng lưới giao thông, với các trục thoát nước chính theo hướng Tây – Đông. Các tuyến cống nhánh nối vào cống chính tạo nên mạng lưới có hình xương cá.
 - + Mạng lưới thoát nước mặt được vạch tuyến theo tiêu chí thoát nước nhanh nhất về nguồn tiếp nhận, đảm bảo chiều dài nước chảy ngắn nhất.
 - + Giải pháp đề xuất ở giai đoạn quy hoạch chung mang tính định hướng, giải pháp thoát nước cụ thể sẽ được xác định rõ ràng hơn ở các đề án quy hoạch giai đoạn tiếp theo.
 - + Mạng lưới công thoát nước mưa sử dụng cống bê tông cốt thép, dạng tròn hoặc hộp tùy theo lưu lượng nước thoát.

3.3. Công trình xử lý nước cấp:

- Với nhu cầu sử dụng nước của thị trấn đến năm 2040 là 1.800m³/ngày.đêm, công ty Cổ phần cấp thoát nước Trà Vinh vẫn cấp đủ cho nhu cầu sử dụng của thị trấn nên không cần mở rộng, nâng cấp thêm các nhà máy nước.

- Đường ống chính dần nâng cấp lên ống có đường kính D100, D150 và D200 để thuận tiện cho việc lắp đặt trụ cứu hỏa sau này.

- Vật liệu ống có thể dùng uPVC hệ CIOD hoặc ống HDPE hoặc tương đương.

- Ống cấp nước được đặt trên vỉa hè.

3.4. Công trình xử lý nước thải:

- Giai đoạn trước mắt vẫn sử dụng hệ thống thoát nước chung; nước mưa và nước thải sinh hoạt chảy chung trong cùng một hệ thống và xả thẳng ra nguồn.

- Giai đoạn tiếp theo, dần hoàn thiện hệ thống cống thu gom nước tới các hộ dân đảm bảo đến năm 2030 thu gom được 80% lượng nước thải và đến năm 2040 tăng lên thành 90%. Sau khi hoàn thiện hệ thống cống thu gom nước thải mà chưa xây được trạm xử lý, tạm thời nước vẫn xả trực tiếp ra Sông Đa Lộc (Kênh Trà Vinh) và kênh Bà Thao, sau khi hoàn thiện trạm xử lý nước thải → tiến hành đầu nối để đưa nước về trạm xử lý.

- Giai đoạn đến năm 2030: dần hoàn thiện hệ thống cống thu gom nước tới các hộ dân đảm bảo đến năm 2030 thu gom được 80% lượng nước thải, hoàn thiện các giếng tách để chuyển đổi thành hệ thống thoát nước riêng, thu gom nước thải về trạm xử lý, xây dựng trạm xử lý công suất 900m³/ngày.

- Giai đoạn đến năm 2040: hoàn thiện hệ thống cống thu gom đảm bảo thu gom được lượng nước thải $\geq 90\%$ và đưa về trạm xử lý, nâng công suất trạm xử lý lên 1.500 m³/ngày.

- Nước thải qua trạm xử lý được xử lý đến cấp A trước khi xả ra kênh Bà Thao và ra Sông Đa Lộc (Kênh Trà Vinh).

- Mạng lưới thoát nước sử dụng cống BTCT hoặc HPDE gân xoắn 2 lớp đường kính D300, D400, có đặt 1 trạm bơm nâng bậc ở khu vực đất cây xanh tại cống Đa Lộc bơm nước thải sang bên kia sông Đa Lộc (Kênh Trà Vinh).

- Nước thải công nghiệp: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng giữa nước thải và nước mưa. Nước thải được dẫn về trạm xử lý, mỗi khu công nghiệp đều xây dựng trạm xử lý riêng. Nước thải sau khi xử lý đạt giá trị C, cột B, QCVN 40: 2011/BTNMT.

- Bể tự hoại: Xây dựng đúng quy cách: chứa, lắng, lọc... và phải đủ dung tích để xử lý chất thải cho từng hộ gia đình, phải có chất thống thấm đảm bảo không để chất ô nhiễm ảnh hưởng đến môi trường.

- Đối với trạm xử lý nước thải: phải có dải cách ly an toàn và thường xuyên quan trắc chất lượng môi trường nước và không khí.

- Nghiêm cấm các hành vi đầu nối vào hệ thống cấp thoát nước mà không có sự cho phép của các cơ quan chức năng.

- Nghiêm cấm mọi trường hợp cho nước thải sinh hoạt thoát trực tiếp xuống hệ thống kênh rạch, nếu phát hiện sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

3.5. Lưới điện:

Toàn huyện Châu Thành nói chung cũng như thị trấn Châu Thành nói riêng tiếp tục sử dụng lưới điện quốc gia thông qua hệ thống lưới truyền tải 110kV. Nguồn là Trạm – nâng công suất trạm lên 2x63 MVA

a) Mạng lưới trung thế

Trạm biến áp 110/22KV của thị trấn cấp điện chung cho toàn huyện, do đó mạng lưới đường dây điện phải phát triển theo định hướng chung của toàn huyện như sau:

Cải tạo nâng cấp các xuất tuyến 22kv hiện tại từ trạm 110/22kv Trà Vinh bao gồm:

Lộ 471-TV cấp điện 1 phần cho thị trấn Châu Thành liên kết mạch vòng lộ 479- Long Đức.

Lộ 472- TV cấp điện 1 phần cho thị trấn Châu Thành, các xã Hòa Lợi, Phước Hảo, Hưng Mỹ, Long Hòa và Hòa Minh liên kết mạch vòng với tuyến 473CN, 475CN, 471LD.

Lộ 473- TV cấp điện một phần khóm 4 thị trấn Châu Thành liên kết mạch vòng với tuyến 477TV, 471LD.

Lộ 474 - TV cấp điện một phần thị trấn Châu Thành, các xã Đa Lộc và Mỹ Chánh liên kết mạch vòng với tuyến 478DT, 476TV, 471CN, 473CN, 475CK, 471TC .

Lộ 476 - TV cấp điện một phần khóm 05 thị trấn Châu Thành, các xã Thanh Mỹ và Mỹ Chánh, liên kết mạch vòng với tuyến 475CK, 474TV.

Lộ 477 - TV cấp điện một phần khóm 4 thị trấn Châu Thành, liên kết mạch vòng với tuyến 477LD, 476TV, 479TV.

Xây dựng các tuyến trung thế mới liên kết với mạng trung thế hiện hữu để đảm bảo nhu cầu sử dụng.

Kết cấu lưới điện của tỉnh phải đảm bảo yêu cầu cung cấp điện trước mắt, đáp ứng được nhu cầu phát triển phụ tải trong tương lai.

Nâng cao độ tin cậy cung cấp điện và đảm bảo chất lượng điện áp ở những điểm bất lợi nhất.

Những khu vực cải tạo lưới điện phải phù hợp với quy định của ngành về tiến trình tiêu chuẩn hoá lưới điện của toàn tỉnh và lưới điện quốc gia.

b) Lưới điện hạ áp và chiếu sáng

Lưới hạ áp được thiết kế mạch vòng và có liên kết dự phòng.

Khu vực thị trấn Châu Thành các phụ tải quan trọng sử dụng đường dây trên không hoặc cáp vặn xoắn (ABC) có tiết diện đường trục $\geq 120\text{mm}^2$, tiết diện đường nhánh $\geq 95\text{mm}^2$, bán kính cấp điện $\leq 500\text{m}$.

Chiều sáng đường, phố phải bảo đảm làm lộ rõ tất cả các đặc điểm của đường và của dòng giao thông, giúp người điều khiển phương tiện giao thông tiếp nhận đầy đủ thông tin từ các quan cảnh luôn thay đổi phía trước để có thể điều khiển phương tiện giao thông an toàn với tốc độ hợp lý cho phép. Hệ thống chiếu sáng ngoài việc đảm bảo đủ ánh sáng theo quy định phải tạo được tính định hướng giúp người điều khiển phương tiện giao thông nhận biết rõ ràng hướng tuyến.

Độ chói phải đồng đều trên mặt đường theo cả phương dọc và phương ngang, hạn chế sự xuất hiện các khoảng tối, nơi có thể che dấu các mối nguy hiểm, không gây loá mắt người điều khiển phương tiện giao thông.

Tại các nút giao thông, các giá trị chiếu sáng phải đạt hoặc cao hơn yêu cầu chiếu sáng đường tối thiểu 10% và tối đa 20% yêu cầu chiếu sáng các loại đường giao thông, độ chói mặt đường yêu cầu trên toàn nút giao thông không được nhỏ hơn độ chói trên các mặt đường chính dẫn đến nút.

c) Trạm biến áp phân phối

Giữ nguyên các trạm biếp áp phân phối hiện hữu, xây dựng thêm các trạm mới để đảm bảo nhu cầu sử dụng.

Công suất trạm: được lựa chọn phù hợp mật độ phụ tải với hệ số mang tải từ 65% trở lên, sử dụng máy biến áp 3 pha gam máy từ (250-:-2000)kVA

Đối với các khách hàng là tổ chức, cá nhân có sử dụng trạm biến áp riêng, phải đăng ký biểu đồ phụ tải và đặc tính kỹ thuật công nghệ của dây chuyên sản xuất và phải đảm bảo $\cos\varphi \geq 0,9$. Trường hợp $\cos\varphi \leq 0,9$, bên mua phải lắp đặt thiết bị bù công suất phản kháng hoặc mua thêm công suất phản kháng trên hệ thống điện của bên bán để nâng công suất $\cos\varphi$ đạt từ 0,9 trở lên.

Điều 3. Quy định về việc kiểm soát không gian, kiến trúc các khu vực trong đô thị:

1. Hướng phát triển đô thị

Chủ yếu tập trung theo hai trục phát triển và một trục sinh thái.

Trục phát triển Bắc- Nam.

+Trục phát triển chính: Phát triển dọc quốc lộ 54, tập trung phát triển thương mại dịch vụ, hình thành tuyến du lịch sinh thái và dịch dọc theo sông Đa Lộc. Quốc lộ 54 chuyển đổi từ trục giao thông đối ngoại thành trục giao thông chính đô thị.

+Trục động lực phát triển: Đường Kiên Thị Nhẫn với vai trò là đường tránh quốc lộ 54, kết hợp với quốc lộ 54 là trục đối ngoại hướng Bắc – Nam

liên kết đô thị Châu Thành với Tp. Trà Vinh ở phía Bắc và các xã, đô thị huyện Cầu Ngang, Trà Cú ở phía Nam.

Trục phát triển Đông – Tây.

+Trục phát triển chính: Phát triển theo đường 30 tháng 4 (Hương lộ 16) đóng vai trò là trục đối ngoại hướng Đông – Tây liên kết đô thị Châu Thành với các xã, đặc biệt là quốc lộ 53 và đô thị Hưng Mỹ trong tương lai ở phía Đông. Liên kết với các xã, đô thị huyện Tiểu Cần ở phía Tây.

+Trục động lực phát triển: Hình thành 2 trục động lực phát triển theo hướng Đông-Tây là trục đường Kiên Thị Nhân ở khu trung tâm cũ và trục đường tránh công Đa Lộc ở khu đô thị mới. Hình thành khu đô thị mới về thương mại dịch vụ công cộng, ở và nghiên cứu sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp.

+Mở mới trục chính đô thị theo tuyến đường tránh công Đa Lộc, tạo thành trục chính đô thị tương lai. Từ đây các khu chức năng đô thị mới sẽ lan tỏa ra toàn đô thị hiện hữu và việc mở rộng đô thị trong tương lai, đáp ứng quy định về kính phục vụ nhưng vẫn giữ được sự tập trung, tạo điểm nhấn cho đô thị.

Trục sinh thái sông Đa Lộc – Sông Tầm Phương.

+Đóng vai trò là trục cảnh quan thiên nhiên chủ đạo của đô thị Châu Thành, trong đó, sông Đa Lộc vẫn là yếu tố cảnh quan hàng đầu gắn kết với không gian các khu chức năng đô thị cùng hệ thống kênh rạch đặc thù của miền sông nước. Tạo nét đặc trưng cho đô thị bằng các khai thác tuyến sông Đa lộc, hình thành tuyến du lịch sinh thái, xây dựng tuyến đường dọc sông Đa Lộc kết hợp cây xanh, tạo được hành lang an toàn sông cũng như trục cảnh quan bờ bờ sông, kết hợp tuyến kênh Trà Vinh của thành phố Trà Vinh.

2. Các khu chức năng đô thị:

Toàn đô thị hình thành 4 khu đô thị với các chức năng chính như sau:

Khu đô thị trung tâm:

+Quy mô khoảng 145 ha, phát triển dọc trục quốc lộ 54, giới hạn bởi đường Mậu Thân, sông Tầm Phương, đường Kiên Thị Nhân, đường Đoàn Công Chánh. Với chức năng là trung tâm thương mại, văn hóa, lịch sử của đô thị. Khai thác các giá trị kinh tế gắn liền với các giá trị văn hóa, tôn giáo và cảnh quan tạo đặc trưng đô thị.

+Chuyển dịch các công trình công cộng đô thị khi có nhu cầu mở rộng và hình thành mới ra khu đô thị phía Đông Nam và Tây Nam.

+Hình thành khu sản xuất đô thị: Di dời các nhà máy xí nghiệp trên địa bàn thị trấn, hình thành khu sản xuất đô thị tập trung phía Bắc đô thị.

+Hình thành, chuyển đổi chức năng, hình thành các khu thương mại dịch vụ dọc quốc lộ 54.

Khu đô thị phía Đông Nam:

+Quy mô khoảng 76,5ha, giới hạn bởi kênh huyện 16 và sông Đa Lộc. Với chức năng là khu đô thị thương mại dịch vụ mới, hình thành dọc theo trục đường tránh công Đa Lộc và đường 30 tháng 4 (ĐH.16), Xây dựng khu đô thị hiện đại hoàn thiện về hệ thống trung tâm dịch vụ công cộng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, hệ thống quảng trường và các tiện ích đô thị.

+Hình thành trục phố thương mại dịch vụ mới của đô thị (trục đường tránh công Đa Lộc) kết hợp với trung tâm thương mại dịch vụ , giáo dục, hành chính cấp vùng trong tương lai.

+Hình thành khu sản xuất đô thị: Hình thành trung tâm dịch vụ và nghiên cứu nông nghiệp cấp vùng phục vụ trong các xã phía Đông của huyện.

Khu đô thị phía Tây Nam

+Quy mô khoảng 50,78ha, phát triển dọc trục đường huyện 16, đường tránh công Đa Lộc (giai đoạn 2) , giới bởi đường Đoàn Công Chánh, Kiên Thị Nhân. Với chức năng là trung tâm văn hóa, giáo dục kết hợp với thương mại dịch vụ. Đây là khu đô thị phát triển đan xen giữa mới và cũ.

+Hình thành trục văn và tâm linh kết hợp với trung tâm văn hóa tại khu đô thị trung tâm và trục phố thương mại dịch vụ của khu đô thị Đông Nam tạo thành trục động lực và cảnh quan đặc trưng cho đô thị Châu Thành.

Khu đô thị phía Đông Bắc:

+Với quy mô khoảng 71,5ha, phát triển dọc trục sông Đa Lộc và kênh Bà Thao, giới hạn bởi đường Mậu Thân, kênh đường huyện 16. Có chức năng hình thành khu nhà vườn kết hợp với dịch vụ du lịch sinh thái và vui chơi giải trí. Kết nối với tuyến kè ven kênh Trà Vinh của thành phố Trà Vinh.

3. Cải tạo chỉnh trang đô thị hiện hữu

Hiện khu vực này là khu vực trọng tâm phát triển đô thị, tập trung phần lớn dân cư và các công trình trọng điểm về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật tại khu vực này.

Về thuận lợi, khu vực này có các điều kiện về giao thông, điều kiện hạ tầng xã hội và kỹ thuật, thương mại dịch vụ sầm uất, đất đai có giá trị nên có nhiều tiềm năng phát triển mở rộng, tuy nhiên, quỹ đất trong khu trung tâm rất hạn hẹp và mật độ xây dựng cao đòi hỏi phải có giải pháp phát triển ra các khu vực xung quanh nơi có quỹ đất thuận lợi.

Là trung tâm hành chính, giáo dục y tế văn hóa, thương mại tổng hợp của toàn đô thị mang tính chất đô thị truyền thống lâu đời do đó định hướng khu vực này tiếp tục là trung tâm hành chính - văn hóa huyện Châu Thành. Không gian kiến trúc cảnh quan theo hướng cải tạo chỉnh trang kết hợp mở rộng phát triển về phía Đông - hướng về bờ sông Đa Lộc bổ sung các khu chức năng sử dụng đất mới đồng thời cần tính toán, bố trí thêm quỹ đất dành cho công trình công cộng nhằm đảm bảo khả năng phục vụ dân cư đô thị sẽ tăng lên trong thời gian sắp tới: khu công viên giải trí, kết hợp các không gian cây xanh và xây dựng

mới trục đường ven sông vừa là đê bảo vệ khu lõi trung tâm (thích ứng với biến đổi khí hậu) vừa là trục ven sông kết nối tuyến ven kênh Trà Vinh của thành phố Trà Vinh.

Hình thành không gian thương mại hỗn hợp dọc tuyến quốc lộ 54, cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư hiện hữu tập trung chủ yếu dọc Quốc lộ 54, Bổ sung các tuyến dân cư đan xen kết hợp với thương mại dịch vụ, làm cơ sở mở rộng trong tương lai.

4. Phát triển đô thị mới

Trung tâm chuyên ngành như hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, cây xanh,... được bố trí tiếp cận gián tiếp với tuyến giao thông chính.

Các vùng không gian xa trung tâm với chức năng phát triển kinh tế địa phương, chủ yếu là dịch vụ nông nghiệp, được xem như vùng không gian đệm, đồng thời hạn chế sự phát triển của đô thị một cách tự phát. Trong giai đoạn ngắn hạn, dân cư được phát triển phục vụ sản xuất làm cơ sở để mở rộng đô thị trong tương lai.

Đây là khu vực dự kiến xây dựng trình công cộng cấp huyện mới của đô thị Châu Thành kết hợp cùng các khu đô thị dịch vụ, các khu đô thị sinh thái,... đóng vai trò là khu đô thị dự kiến đầu tư xây dựng mới, làm đối trọng với khu đô thị hiện hữu.

Định hướng không gian kiến trúc cảnh quan khu vực này theo hướng xây mới tạo thành không gian ở với tính chất thương mại dịch vụ, kinh tế văn hóa cửa ngõ đô thị theo đó: khu đô thị Đông Nam và Tây Nam phát triển lan tỏa với lõi trung tâm là khu vực tiếp giáp Quốc lộ 53 giao với đường huyện 16, đặc biệt tuyến đường tránh cống Đa Lộc mang dáng dấp đô thị hiện đại, là nơi bố trí không gian mở quy mô lớn như quảng trường, khu công viên cây xanh tập trung, tuyến phố thương mại.

5. Các khu vực bảo tồn, khu vực cấm xây dựng.

Các khu vực bảo tồn: Các khu vực bảo tồn bao gồm các công trình có giá trị về văn hóa lịch sử, tôn giáo, bao gồm:

1	Chùa Hang (Chùa KamPong Chrây)
2	Chùa Hưng long tự
3	Chùa Sok- Nach (Chùa Trốt Lích)
4	Cổ Tông miếu
5	Thánh thất Đa Lộc
6	Đình thần Trần Hữu Điều
7	Miếu Bà
8	Miếu Ông Tà

Các khu vực cấm xây dựng: Bao gồm khu vực hàng lang, cây xanh ven sông Tầm Phương, sông Đa Lộc, kênh Bà Thao, các khu vực phát triển nông nghiệp.

Điều 4: Quy định về Chỉ giới đường đỏ của các tuyến phố chính, cốt xây dựng khống chế của đô thị;

1. Chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng xây dựng trên các tuyến đường chính đô thị:

- Chỉ giới đường đỏ: Theo hồ sơ lộ giới của quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ của hầu hết các tuyến đường đều trùng với lộ giới.

- Chỉ giới xây dựng: đảm bảo thực hiện đúng theo đồ án quy hoạch được duyệt và quy chuẩn xây dựng hiện hành.

1. Cốt xây dựng khống chế của đô thị:

- Cao độ nền các khu vực phải đảm bảo tuân thủ theo quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật được duyệt, hướng dốc về cống thu gom nước.

- Các khu vực cây xanh cách ly, đất dự trữ phát triển, đất nông nghiệp sẽ san lấp tùy vào nhu cầu sản xuất, canh tác và giai đoạn đầu tư xây dựng.

- Đối với cốt xây dựng công trình trong tường rào có thể điều chỉnh phù hợp với thiết kế công trình cụ thể, tuy nhiên phải tuân thủ nguyên tắc hạn chế đào đắp.

Điều 5: Quy định về Vị trí, quy mô và phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với công trình ngầm;

1. Hành lang an toàn đối với các công trình:

- Để thuận lợi cho việc tổ chức quản lý có hiệu quả trong công tác triển khai xây dựng công trình, các tuyến đường giao thông và các khu chức năng trên địa bàn đô thị được tổ chức các khoảng lùi xây dựng nhằm tạo lập được khoảng cách an toàn, phù hợp với chức năng trên từng tuyến phố cũng như các khu chức năng công trình, phù hợp với định hướng hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

- Khoảng lùi xây dựng được định hướng phân theo hệ thống đường giao thông, tùy thuộc vào tính chất, vai trò và từng cấp đường giao thông của đô thị. Từ đó, tổ chức hệ thống khoảng lùi xây dựng phù hợp với lộ giới đường giao thông, tính chất cũng như chức năng các khu vực xung quanh phù hợp với định hướng phát triển kinh tế xã hội của đô thị.

- Đối với hệ thống đường giao thông cấp đô thị như các đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện có chức năng đối ngoại và các tuyến đường động lực phát triển kinh tế xã hội có khoảng lùi 5m về 2 phía tính từ lề đường.

- Với hệ thống đường giao thông cấp khu vực có chức năng kết nối các khu chức năng thuộc địa bàn đô thị có khoảng lùi xây dựng từ 3 - 6m, tùy thuộc vào từng chức năng công trình mà chọn khoảng lùi xây dựng phù

- Đối với hệ thống đường giao thông phân khu vực có chức năng phân chia các khu chức năng trong đô thị, đảm bảo lưu thông thuận lợi được tổ chức khoảng lùi xây dựng từ 0 - 6m. Tùy thuộc vào chức năng từng loại công trình mà lựa chọn khoảng lùi xây dựng hợp lý để khai thác có hiệu quả đất đai đô thị.

Điều 6: Quy định về Khu vực cấm xây dựng; phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật; biện pháp bảo vệ môi trường;

1. Khu vực cấm xây dựng; phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn công trình hạ tầng kỹ thuật:

a. Hành lang bảo vệ công trình giao thông:

Đối với đường giao thông đô thị: đảm bảo hành lang bảo vệ các tuyến đường theo quy định của Luật giao thông đường bộ; Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/09/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 11/2010/NĐ-CP và Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/09/2015 của Bộ Giao thông vận tải về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định 11/2010/NĐ-CP.

Không được xây dựng trên đất hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật.

b. Hành lang an toàn hệ thống điện:

❖ *Trạm biến áp:*

- Chiều cao hành lang được tính từ đáy móng sâu nhất (đáy cọc của móng cọc) của công trình trạm điện đến điểm cao nhất của trạm điện cộng thêm khoảng cách an toàn 3m.

- Nhà và công trình xây dựng gần hành lang bảo vệ an toàn của trạm điện phải bảo đảm không làm hư hỏng bất kỳ bộ phận nào của trạm điện; không xâm phạm đường ra vào trạm điện; đường cấp thoát nước của trạm điện, hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm và ĐDK; không làm cản trở hệ thống thông gió của trạm điện; không để cho nước thải xâm nhập làm hư hỏng công trình điện.

- Đối với các trạm có điện áp 22kV không có tường, rào bao quanh, hành lang bảo vệ trạm điện 2m. Đối với trạm điện có tường hoặc hàng rào cố định bao quanh, chiều rộng hành lang bảo vệ được giới hạn đến mặt ngoài tường hoặc hàng rào; Khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng là 2m.

❖ *Đường dây cao thế 500kV, 220kV, 110kV, trung thế 22kV:*

- Đối với đường dây cao thế xây dựng mới, hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ.

- Chiều dài hành lang được tính từ vị trí đường dây ra khỏi ranh giới bảo vệ của trạm này đến vị trí đường dây đi vào ranh giới bảo vệ của trạm kế tiếp.

- Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng về hai phía của đường dây, song song với đường dây, có khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái tĩnh:

Điện áp	22kV		110kV	220kV	500kV
	Dây bọc	Dây trần			
Khoảng cách (m)	1,0	2,0	4,0	6,0	7,0

- Chiều cao hành lang được tính từ đáy móng cột (đáy cọc của móng cọc) đến điểm cao nhất của công trình cộng thêm khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng:

Điện áp	22kV	110kV	220kV	500kV
Khoảng cách (m)	2,0	3,0	4,0	7,5

- Khoảng cách nhỏ nhất từ dây dẫn đến cây:

Mô tả chi tiết khoảng cách	Điện áp (kV)	Loại dây dẫn	Khoảng cách nhỏ nhất (m)
Đối với ĐDK có điện áp đến 35kV trong thị trấn thì khoảng cách từ điểm bất kỳ của cây đến dây dẫn điện ở trạng thái võng cực đại	22	Dây bọc	0,7
		Dây trần	1,5
Đối với ĐDK có điện áp từ 110kV trong thị trấn thì không được để cây cao hơn dây dẫn thấp nhất trừ trường hợp đặc biệt phải có biện pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn và được UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cho phép. Khoảng cách từ điểm bất kỳ của cây đến dây dẫn khi dây ở trạng thái võng cực đại	110	Dây trần	2
	220	Dây trần	3
	500	Dây trần	4,5
Khoảng cách an toàn từ dây dẫn ở trạng thái võng cực đại đến phần bất kỳ của các cây ngoài thị trấn;	22	Dây bọc	0,7
		Dây trần	2
Đối với ĐDK vượt qua rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, vườn trồng cây thì khoảng cách theo phương thẳng đứng từ dây dẫn điện thấp nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại đến cây khi đạt tới chiều cao lớn nhất	110	Dây trần	3
	220	Dây trần	4
	500	Dây trần	6

- Khoảng cách an toàn nhỏ nhất của các phương tiện hoạt động trong hành lang an toàn

Điện áp	22kV	110kV	220kV	500kV
Khoảng cách (m)	4,0	6,0	6,0	8

- Khoảng cách hành lang an toàn của đường cáp ngầm trong đất hoặc trong nước

Loại cáp điện	Đặt trong đất		Đặt trong nước	
	Đất ổn định	Đất không ổn định	Nơi không có tàu thuyền qua lại	Nơi có tàu thuyền qua lại
Khoảng cách nằm ngang (m)	1,0	1,5	20,0	100,0
Độ sâu (m)	1,5			

❖ Đường dây hạ thế, đường dây chiếu sáng, đường dây thông tin liên lạc: khoảng cách giữa các cột điện trung bình từ 40 - 50 m, khoảng cách từ chân cột

đến công trình xây dựng khác là 5m, khoảng cách từ đường dây đến tường nhà của hộ dân là 5m.

❖ Bố trí các đường dây đường ống hạ tầng kỹ thuật ngầm phải cách chỉ giới đường đỏ 0,5m và khoảng cách các công trình ngầm phải tuân theo QCVN 01: 2021/BXD.

c. Cấp thoát nước:

- Trạm/nhà máy xử lý nước thải phải có thiết bị thu gom và khử mùi hoặc phải có các giải pháp ngăn ngừa mùi, khí thải phát tán ra môi trường xung quanh, tuân thủ QCVN 05:2013/BTNMT.

- Phạm vi bảo vệ hành lang an toàn $\geq 20m$ từ mép công trình để đảm bảo không ảnh hưởng đến kết cấu trạm xử lý nước thải.

- Bố trí hệ thống thoát nước riêng nước mưa và nước thải tại khu vực nội thị và các khu công nghiệp.

- Trạm trung chuyển chất thải rắn phải đảm bảo các yêu cầu về phòng chống cháy, nổ; thu gom và xử lý nước thải; khử mùi.

- Xây dựng các công trình nghĩa trang phải phù hợp với quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu. Công trình nghĩa trang phải đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng theo quy định tại QCVN 10:2014/BXD. Khoảng cách an toàn về môi trường phải tuân thủ quy định tại QCVN 01:2021/BXD.

d. Đường dây đường ống:

- Bố trí các đường ống cống ngầm phải đảm bảo chiều sâu và có khoảng cách theo chiều ngang không ảnh hưởng lẫn nhau và an toàn trong quá trình quản lý, khai thác và sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm và các công trình trên mặt đất có liên quan;

- Việc đấu nối các đường ống cống ngầm với nhau và các công trình ngầm khác phải đảm bảo thuận tiện, an toàn và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật;

- Khoảng cách theo chiều ngang và chiều đứng của hệ thống đường dây đường ống hạ tầng kỹ thuật tuân thủ QCVN 01:2021/BXD

- Phạm vi bảo vệ hành lang an toàn đối với công trình ngầm cần thực hiện phù hợp với Quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn xây dựng và các quy định hiện hành khác có liên quan.

2. Biện pháp bảo vệ môi trường:

- Cần đảm bảo các tiêu chí và tiêu chuẩn bảo vệ môi trường.

- Cần có các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đến dân cư, cảnh quan thiên nhiên, không khí, tiếng ồn.

- Chủ đầu tư dựa vào quy hoạch tổng thể mặt bằng để xây dựng hệ thống giao thông nội bộ, cấp điện, cấp nước, hệ thống xử lý nước thải cục bộ, hệ thống thu gom nước thải, nước mưa phù hợp để tiếp nhận các nguồn thải.

- Thành phần nước thải sau khi xử lý được không chế tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT và QCVN 40:2011/BTNMT - Cột B. Hệ thống không chế tự động để kiểm tra lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm sẽ được lắp đặt. Phương pháp này cho phép quản lý nồng độ đầu ra của các chất ô nhiễm từ hệ thống xử lý nước thải của khu quy hoạch.

- Cơ quan chức năng cùng các ban ngành liên quan tham gia thẩm định thiết kế cơ sở của đơn vị thiết kế để giám sát các hệ thống thu gom nước thải, xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn theo yêu cầu chung bảo vệ môi trường khu vực.

- Cơ quan quản lý môi trường Nhà nước sẽ thẩm định những hoạt động có liên quan tới môi trường của chủ đầu tư như hệ thống hạ tầng phục vụ, hệ thống thông thoáng và các hệ thống xử lý môi trường, phòng chống sự cố.

- Chủ đầu tư phối hợp cùng với các cơ quan chức năng xây dựng phương án phòng chống sự cố cháy nổ, dịch bệnh.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các thiết bị sản xuất, hệ thống không chế ô nhiễm môi trường và hệ thống ngăn ngừa sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Cần có chính sách khuyến khích người dân xây dựng thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

- Trên những tuyến phố chính cần đầu tư xây dựng nhà vệ sinh công cộng, khoảng cách tối đa giữa 2 nhà vệ sinh công cộng là 1,5 km, góp phần bảo vệ mỹ quan đường phố tránh tình trạng xả thải ra tự nhiên theo thói quen vô ý thức của người dân.

- Quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên; kiểm soát chất thải từ hoạt động công nghiệp, thực hiện tốt công tác thu gom, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại.

- Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức người dân về bảo vệ môi trường; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 7. Quy định về Khu vực bảo tồn, tôn tạo công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh, địa hình cảnh quan trong đô thị

- Không cấp phép xây dựng và triển khai các dự án quy mô lớn làm ảnh hưởng đến không gian chung và không theo quy hoạch trong khu vực này.

- Khuyến khích tôn tạo các danh thắng, công trình tôn giáo làm tăng thêm giá trị văn hóa tinh thần cho xã hội.

Điều 8. Phân công và thực hiện quy định quản lý quy hoạch cho các cấp chính quyền địa phương trong vùng theo đề án quy hoạch chung đô thị

Quy định quản lý theo Đề án quy hoạch chung đô thị Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040 nhằm đảm bảo cho công tác quy hoạch và xây dựng trên địa bàn thị trấn được triển khai đồng bộ, hài hòa về không gian, kiến trúc và cảnh quan; phù hợp với quy hoạch chung xây dựng đô thị đã được duyệt. Quy định cũng là cơ sở pháp lý để triển khai các đề án quy hoạch và quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc xây dựng cho đô thị.

1. Việc tổ chức thực hiện quy định được triển khai như sau:

- Ủy ban nhân dân Tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Đề án quy hoạch chung đô thị Châu Thành, huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh đến năm 2040.

- Ủy ban nhân dân thị trấn có trách nhiệm xem xét, rà soát, đánh giá quá trình thực hiện để kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, báo cáo bằng văn bản với ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh để xem xét, quyết định việc rà soát, Đề án quy hoạch chung đô thị. Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành có trách nhiệm quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trong phạm vi địa giới hành chính do thị trấn quản lý.

- Tại các khu vực có dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị, đơn vị được phép đầu tư xây dựng dự án chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Tỉnh về quản lý không gian, kiến trúc trong phạm vi dự án bảo đảm đúng quy hoạch được phê duyệt đến khi bàn giao lại cho chính quyền địa phương quản lý.

- Sở xây dựng có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân Tỉnh quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan các đô thị và một số khu vực có giá trị kiến trúc, cảnh quan đặc biệt theo sự phân công của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở khoa học và Công nghệ ...triển khai công tác đo đạc, lấy mẫu, thí nghiệm phân tích, xử lý thông tin, lưu trữ số liệu, lập báo cáo định kỳ hàng tháng, quý và hàng năm lên các cơ quan thẩm quyền để đề xuất giải pháp bảo vệ nguồn nước, nhất là trường hợp xảy ra các sự cố về nguồn nước.

- Phòng Kinh tế hạ tầng huyện Châu Thành có trách nhiệm giúp Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị trong khu vực do mình quản lý.

2. Về triển khai lập các quy chế:

a) Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành, UBND huyện Châu Thành phối hợp Sở Xây dựng Trà Vinh tổ chức lập Quy chế quản lý kiến trúc riêng cho toàn đô thị, trình Ủy ban nhân dân Tỉnh Trà Vinh phê duyệt.

b) Trong quá trình quản lý, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành chủ động đề xuất lập bổ sung Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị riêng cho những khu vực đô thị có yêu cầu quản lý đặc thù.

3. Về nghiên cứu, bổ sung các quy định cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành phối hợp Sở Xây dựng Trà Vinh chủ động tiếp tục rà soát các quy định cụ thể trong đồ án quy hoạch chung để có bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình phát triển đô thị.

b) Tiếp tục đề xuất nghiên cứu, soạn thảo các quy định chi tiết cho các nội dung quản lý quy hoạch, kiến trúc khác trên địa bàn thị trấn Châu Thành.

Điều 9. Phân công trách nhiệm:

- Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở xây dựng, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành và UBND thị trấn Châu Thành căn cứ vào đồ án quy hoạch chung được phê duyệt, tổ chức lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh các đồ án quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết một số khu vực.

- Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm chính trong công tác quản lý nhà nước trong việc tổ chức triển khai thực hiện đồ án này. Nhanh chóng tổ chức lập kế hoạch và triển khai soạn thảo điều chỉnh Quy chế quản kiến trúc phối hợp Sở Xây dựng Trà Vinh, đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét giải quyết đối với những trường hợp vượt thẩm quyền; hoặc xin ý kiến các Sở ngành có liên quan trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc theo đề nghị của các cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch, kiến trúc trên địa bàn thị trấn Châu Thành

- Các sở ban ngành có liên quan có trách nhiệm giúp đỡ, hỗ trợ về mặt chuyên môn cho Ủy ban nhân dân thị trấn thực hiện đồ án này.

Điều 10. Quy định công bố thông tin:

- Ủy ban nhân dân thị trấn có trách nhiệm công bố thông tin và nội dung đồ án quy hoạch chung đô thị trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân được biết.

- Ủy ban nhân dân thị trấn phối hợp với UBND huyện, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường định kỳ hàng năm cập nhật tình hình các dự án trọng điểm triển khai vào nội dung đồ án quy hoạch chung đô thị Châu Thành.

- Các cơ quan có liên quan lưu trữ hồ sơ quy hoạch chung đô thị Châu Thành để phục vụ công tác quản lý và cung cấp thông tin quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm số hóa hồ sơ quy hoạch chung đô thị Châu Thành thành bản đồ hệ thống thông tin địa lý (GIS) để phục vụ công tác quản lý đất đai, xây dựng và công tác công bố, cung cấp thông tin.

Điều 11. Quy định về khen thưởng, xử phạt thi hành:

- Các tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi không cung cấp thông tin quy hoạch, cố tình cung cấp sai thông tin quy hoạch, quản lý xây dựng không theo quy hoạch, xây dựng các dự án trái với quy hoạch.

- Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành có trách nhiệm kiểm tra các hoạt động xây dựng trên địa bàn do thị trấn quản lý vào báo cáo kịp thời với UBND huyện, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân tỉnh các hành vi liên quan đến hoạt động xây dựng trái với quy hoạch được phê duyệt. Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành ra quyết định xử phạt đối với các vi phạm nêu trong phạm vi thẩm quyền của mình, báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, tỉnh đối với các trường hợp ngoài thẩm quyền để Ủy ban nhân dân, huyện, tỉnh quyết định.

- Thanh tra xây dựng có trách nhiệm kiểm tra mọi hoạt động xây dựng trên địa bàn thị trấn Châu Thành và báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân thị trấn, UBND huyện, Sở Xây dựng tình hình các hoạt động xây dựng trái với quy hoạch được phê duyệt. Ủy ban nhân dân thị trấn ra quyết định xử phạt đối với các vi phạm trong phạm vi thẩm quyền của mình, có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban nhân dân huyện, tỉnh trong các trường hợp ngoài thẩm quyền để Ủy ban nhân dân, huyện, tỉnh quyết định.

- Khuyến khích và có hình thức khen thưởng phù hợp với các tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc các hoạt động về quản lý và đầu tư theo đúng quy hoạch, phát hiện và tố giác kịp thời các hành vi cố ý làm trái quy hoạch.

Chương II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ nội dung của Quy định này tổ chức triển khai thực hiện.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan đơn vị và địa phương phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành tổng hợp gửi UBND huyện Châu Thành trình Sở Xây dựng thẩm định, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh xem xét, quyết định./.